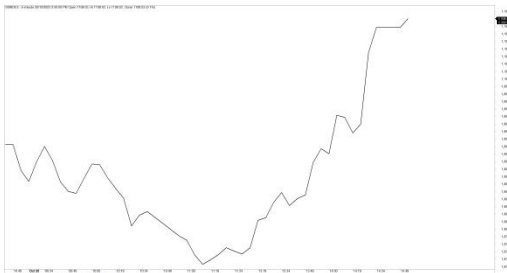


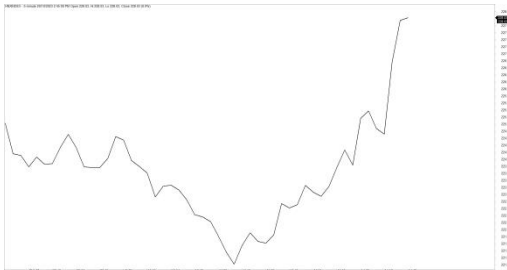
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,108.03	228.45	85.62
% ngày	1.86%	2.24%	0.73%
% tuần	-4.04%	-4.43%	-2.59%
% tháng	-9.63%	-10.35%	-8.28%
% năm	4.68%	1.14%	5.99%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	9,763	1,044	442
TB 1 tuần	15,694	2,053	739
TB 1 tháng	16,944	2,029	828
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	2,096.62	53.61	15.49
Bán	1,332.84	19.42	6.28
Giá trị ròng	763.78	34.18	9.21
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	122	149
Mã Giảm	305	55	107
Không Đổi	56	73	84
Chỉ số chính			
P/E	13.31	20.04	17.54
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	4,469	305	1,069
LS Cổ tức	1.97%	3.74%	5.57%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Bất chấp diễn biến tiêu cực từ thị trường thế giới, TTCK Việt nam hồi phục chậm rãi ngay từ đầu phiên và duy trì cho tới hết phiên. Chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1,108.03 điểm tương ứng tăng 1.86%, chỉ số HNX-Index tăng 2.24%, chỉ số Upcom-Index tăng 0.73%. Giá trị giao dịch khốp lệnh đạt 14,696 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Thị trường không những tăng mạnh về điểm số mà độ rộng thị trường cũng khá tích cực với sắc xanh áp đảo. Chỉ số VN30-Index ghi nhận MSN, MWG, SSI, STB, VHM tăng hơn 3%. Duy nhất SSB (-0.61%) giảm giá nhẹ trong phiên cuối tuần. Chỉ số VNMID-Index và VNSML-Index tăng lần lượt là 3.15% và 2.23%

Tâm lý mạnh dạn hơn đã kích hoạt dòng tiền bắt đáy tham gia mạnh tại nhóm Chứng khoán hay Bất động sản trong đó nhóm Chứng khoán được ghi nhận KQKD quý tích cực ở nhiều mã. Ngoài ra, Bán lẻ, Thép, Đầu tư công cũng thu hút dòng tiền mạnh trong phiên cuối tuần.

Khối ngoại là tiếp tục mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp hơn 807 tỷ đồng toàn thị trường trong đó VHM (796 tỷ), STB (154 tỷ), PVS (37 tỷ) là các mã được mua ròng khá nhất. Ở chiều ngược lại, E1VFN30 (154 tỷ), EIB (125 tỷ), GMD (46 tỷ) dẫn đầu ở chiều bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index biến động gần mức 1,100 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn và các chỉ báo kỹ thuật có dấu hiệu hồi phục từ quá bán, nếu nhịp hồi phục tiếp tục diễn ra trong vài phiên tới với khối lượng giao dịch tăng dần thì xác suất hình thành vùng đáy quanh vùng 1,100 điểm của chỉ số VN-Index được đánh giá cao. Ngoài ra, chỉ báo tâm lý tiếp tục giảm về bi quan quá mức cho thấy các nhà đầu tư vẫn còn rất bi quan với diễn biến thị trường hiện tại.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức GIẢM. Do đó, trong ngắn hạn, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể hạn chế bán ở vùng giá này và tiếp tục quan sát diễn biến thị trường ở phiên giao dịch tới.

Theo đồ thị tuần, chỉ số VN-Index giảm 5.8% với khối lượng giao dịch tăng cho thấy áp lực bán gia tăng và đồ thị giá của các chỉ số giao dịch gần đường trung bình 50 tuần. Tuy nhiên, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy trung hạn cho nên chúng tôi đánh giá thị trường có thể sẽ chưa thể xuyên thủng đường trung bình 50 tuần của chỉ số VN-Index. Do đó, trong trung hạn, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức 40-45% danh mục và chưa cần thiết bán hết toàn bộ danh mục hiện tại.

Tham khảo tín hiệu mua/bán cổ phiếu tại: <https://ysradar.yuanta.com.vn/>



BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1253	1300	870	800
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	260	306	189	160
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	1270	1300	980	960
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	1280	1250	963	900
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	1250	1250	804	750

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1108.03	1.86%
VN30	1123.69	1.70%
VN Mid	1588.02	3.15%
VN Small	1294	2.23%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	228.45	2.24%
HN30	479.78	4.18%
VNX AllSh	1117.68	2.13%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	85.62	0.73%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2096.62	
Bán	1332.84	
GT rỗng	763.78	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	53.61	
Bán	19.42	
GT rỗng	34.18	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.49	
Bán	6.28	
GT rỗng	9.21	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ORS	1050	7.00%
FTS	2700	6.99%
NLG	2200	6.95%
OGC	410	6.95%
CTS	1500	6.94%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	1800	9.89%
PLC	2300	7.77%
L14	2400	6.23%
NET	3500	6.04%
VGS	1000	5.85%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ABI	902	2.43%
MSR	204	1.31%
ACV	834	1.14%
BSR	200	0.99%
VGT	76	0.63%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SAM	-200	-3.23%
IMP	-1500	-2.40%
PGV	-400	-1.73%
GMD	-900	-1.39%
E1VFN30	-270	-1.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CMS	-2500	-10.00%
SLS	-20600	-9.90%
CAP	-7100	-8.66%
TVC	-100	-1.75%
DXP	-100	-0.76%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVX	-186	-7.44%
FOX	-3381	-6.34%
ABW	-371	-3.75%
QTP	-517	-3.49%
DRI	-245	-3.18%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VCB	472,278	
BID	203,353	
GAS	188,103	
VHM	185,061	
VIC	164,762	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
HUT	18,296	
PVS	17,972	
IDC	16,005	
THD	13,744	
SHS	12,848	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	159,344	
VGI	87,147	
BSR	62,748	
MCH	55,251	
VEA	48,275	

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SSI	28,257,401	30,180,094
VIX	27,968,700	33,294,693
VND	27,323,700	28,348,890
VHM	22,390,400	4,105,046
EIB	20,798,800	5,405,653

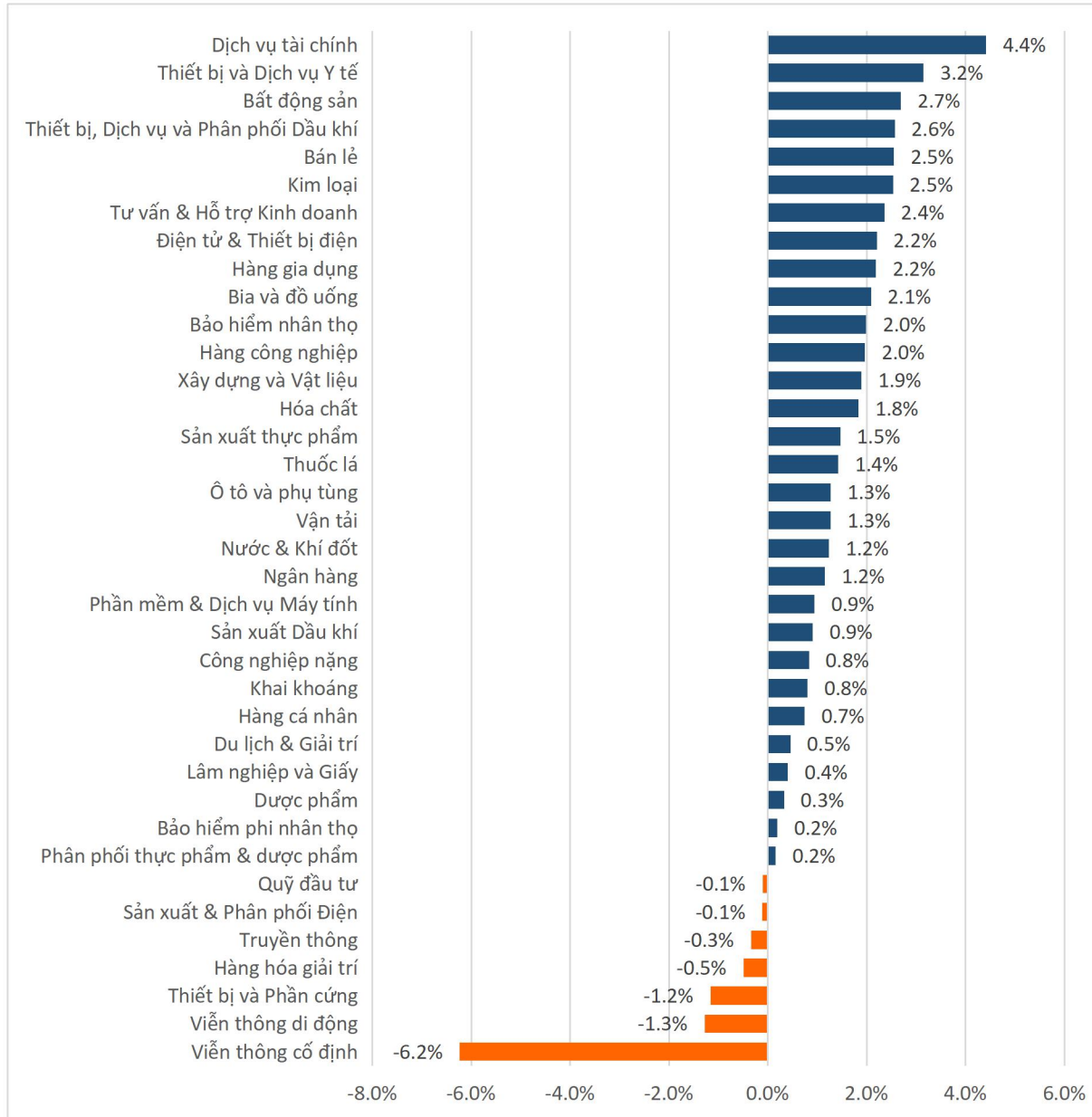
KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
SHS	29,067,008	27,849,905
CEO	11,377,635	8,801,686
PVS	7,225,849	7,827,208
MBS	6,728,377	5,585,269
HUT	5,031,158	5,924,432

KLGD nhiều nhất	Khối lượng	TB 30 ngày
BSR	6,582,927	11,268,039
TL4	3,283,800	7,715
SBS	2,948,438	3,313,558
C4G	2,162,995	2,274,606
AAS	1,651,728	2,369,167

Nguồn: BloomBerg & YSVN



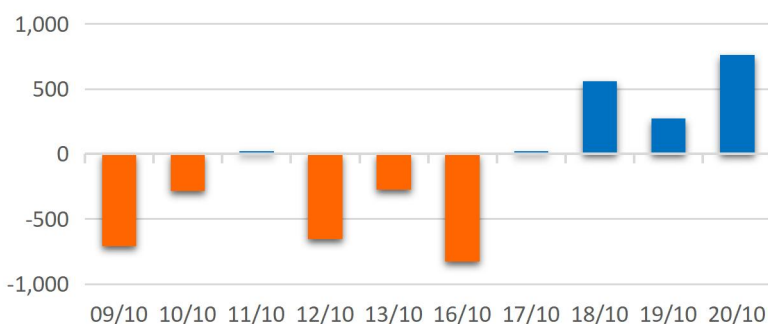
DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



Nguồn: FinPro – YSVN

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

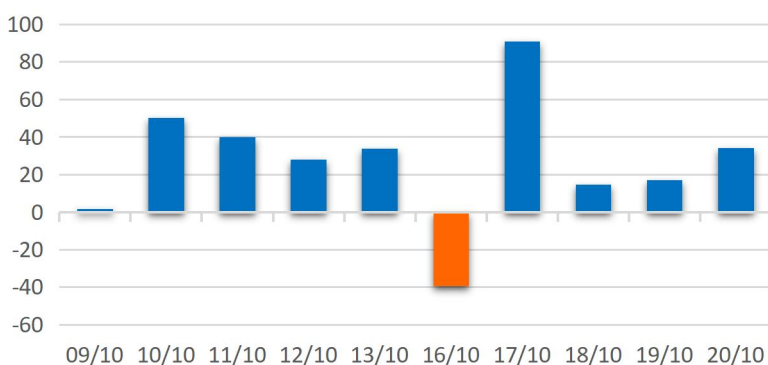
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VHM	797,169	E1VFN30	153,837
STB	153,633	EIB	117,434
FTS	25,052	GMD	45,677
FRT	22,214	VIC	40,272
VHC	22,010	MSN	26,188

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

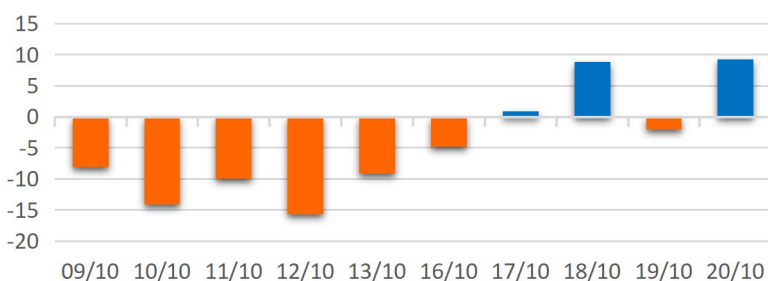
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	37,156	IDC	4,724
CEO	1,144	PVC	498
EVS	853	SHS	475
VIG	496	NET	399
PVI	486	TNG	219

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	9,609	ABI	645
MCH	964	PAT	600
ABW	288	IFS	211
HPP	220	PGB	143
VTP	182	MFS	142

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	155,589	KDH	5,081
STB	33,718	FUEVN100	2,700
HPG	32,074	PVD	2,524
TCB	25,669	BCM	1,500
FUEVFND	21,709	VHC	1,139

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất trên HSX

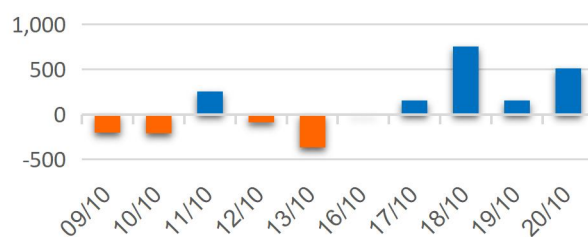
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	9,073.44	IDC	7,239
		PSI	1.3
		SCI	0.9

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên HNX

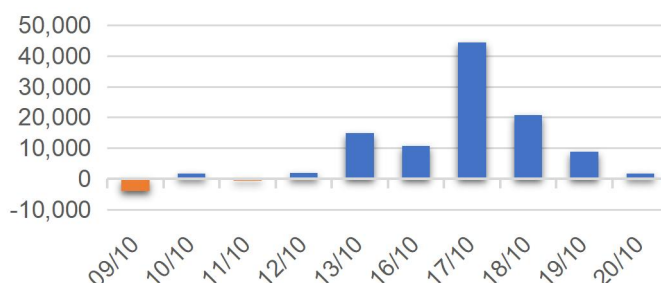
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	4,080.00	DWS	154
VGT	3,345	GDA	114
NAB	687	ABB	2.7
		OIL	1.6

Top các mã đạt GDTD lớn nhất trên UPCoM

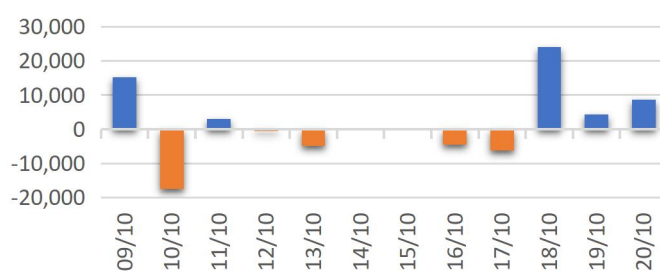
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng trên HSX (tỷ đồng)



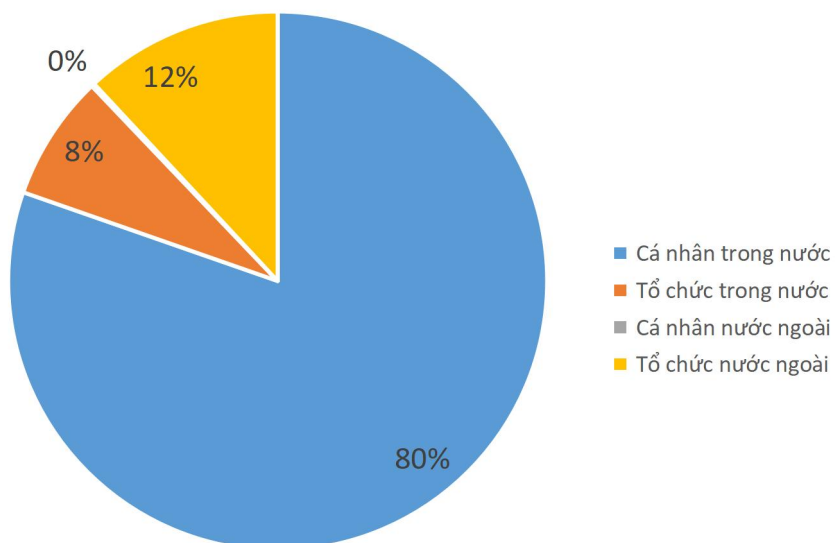
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng HNX (triệu đồng)



Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng UPCoM (triệu đồng)



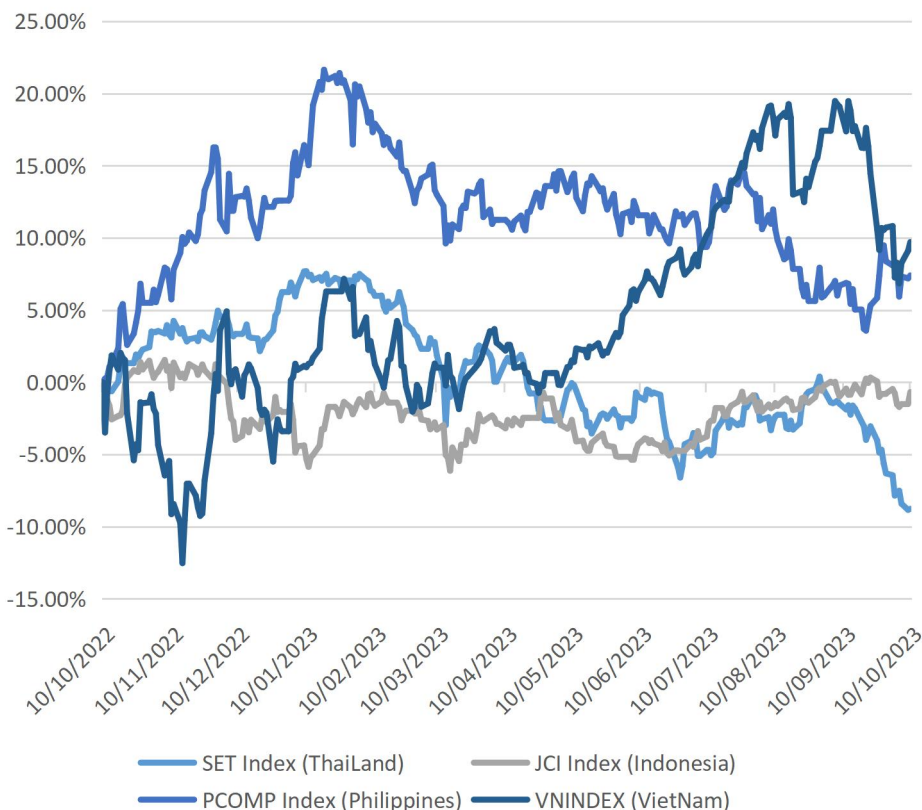
CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiiPro – YSVN



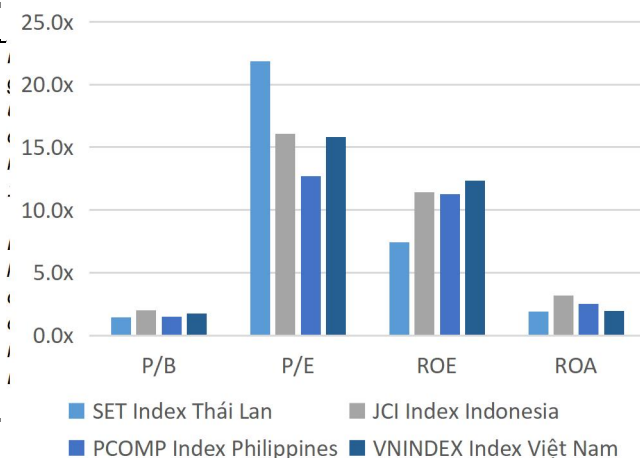
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.4x	2.0x	1.5x	1.6x
P/E		21.9x	16.1x	12.7x	13.9x
ROE	%	7.42	11.44	11.26	12.33
ROA	%	1.90	3.17	2.51	1.98
Vốn hóa	Tỷ USD	475.03	652.52	153.76	185.12
GTGD	Tỷ USD	1.22	0.56	0.03	0.50
LS cổ tức	%	3.17	3.88	2.63	1.60

Bloomberg & YSVN



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written